

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: Nghiệp vụ NHTM - LT9A - Kỳ 1 năm học 2022-2023

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	904020031	Phan Thị	Dịu	19/08/1991	LT9A	000001	149	7.20	
2	904020025	Lê Thị	Hiền	09/07/1991	LT9A	000002	273	7.60	
3	904020032	Lê Anh	Hiệp	24/05/1990	LT9A	000003	384	7.80	
4	904020020	Cao Ánh	Hồng	02/09/1993	LT9A	000004	461	7.00	
5	904020008	Trần Thị Thu	Hương	31/10/1990	LT9A	000005			
6	904020022	Nguyễn Thị	Huyền	29/10/1991	LT9A	000006	598	7.00	
7	904020006	Nguyễn Thị Thanh	Lương	20/10/1987	LT9A	000007	607	7.20	
8	904020028	Đặng Út	Minh	22/07/1990	LT9A	000008	712	8.00	
9	904020010	Đoàn Thị	Ngoan	10/08/1988	LT9A	000009	149	7.60	
10	904020018	Hoàng Thị	Nhung	14/01/1988	LT9A	000010	273	6.20	
11	904020017	Nguyễn Thị Lan	Phương	07/10/1990	LT9A	000011	384	8.20	
12	904020005	Phạm Thị	Quỳnh	06/06/1988	LT9A	000012	461	7.40	
13	900020001	Đỗ Thị	Thắm	18/12/1997	LT9A	000013			
14	904020030	Đỗ Hoài	Thơ	27/07/1993	LT9A	000014	598	8.00	
15	904020014	Phạm Thị	Thu	16/06/1990	LT9A	000015	607	7.40	
16	904020024	Nguyễn Thị	Thư	20/05/1984	LT9A	000016	712	6.80	
17	904020012	Lê Xuân	Thức	25/08/1983	LT9A	000017	149	8.20	
18	904020002	Phùng Thị Ngọc	Trâm	08/10/1990	LT9A	000018	273	8.80	
19	904020011	Âu Hồng	Vân	16/04/1993	LT9A	000019	384	8.40	
20	900020002	Hoàng Thị	Yến	11/12/1986	LT9A	000020	461	8.40	
21	904020033	Phùng Thị Hải	Yến	10/08/1995	LT9A	000021	598	9.00	
22	903020007	Nguyễn Thị	Bé	09/03/1983	LT9A_TCĐH	000022			
23	903020001	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20/09/2003	LT9A_TCĐH	000023	607	8.80	
24	903020002	Đỗ Xuân	Thép	30/11/2001	LT9A_TCĐH	000024			
25	907020002	Phạm Thị	Chung	06/10/1983	LT9A_VLVH	000025	712	9.00	
26	907020003	Nguyễn Trọng	Thiện	05/02/1993	LT9A_VLVH	000026			
27	906020001	Đào Thị Thu	Dịu	10/08/1993	LT9A_VLVH-TCĐH	000027	712	9.00	

Tổng số bài thi: 22

Cán bộ chấm 1

Hoàng Thị Duyên

Hưng Yên, Ngày 12 tháng 01 năm 2023

Cán bộ chấm 2

Đỗ Việt Hùng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHLTCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

Số 20

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0904020016	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/03/1993	LT9A	01	1	9,3	01	tr	lẻ
2	000002	0904020026	Đỗ Xuân	Đạt	30/11/1991	LT9A	01	2	9,0	02	tr	chẵn
3	000003	0904020031	Phan Thị	Dịu	19/08/1991	LT9A	01	3	9,5	01	tr	lẻ
4	000004	0904020029	Trịnh Thị	Giang	25/08/1990	LT9A	01	4	9,5	01	tr	chẵn
5	000005	0904020027	Phan Hồng	Hạnh	27/07/1996	LT9A	01	5	9,0	02	tr	lẻ
6	000006	0904020025	Lê Thị	Hiền	09/07/1991	LT9A	01	6	9,0	01	tr	chẵn
7	000007	0904020032	Lê Anh	Hiệp	24/05/1990	LT9A	01	7	9,0	01	tr	lẻ
8	000008	0904020020	Cao Ánh	Hồng	02/09/1993	LT9A	01	8	8,8	01	tr	chẵn
9	000009	0904020008	Trần Thị Thu	Hương	31/10/1990	LT9A	01					HP,ĐK
10	000010	0904020022	Nguyễn Thị	Huyền	29/10/1991	LT9A	01	9	9,0	02	tr	chẵn
11	000011	0904020006	Nguyễn Thị Thanh	Lương	20/10/1987	LT9A	01	10	9,0	02	tr	lẻ
12	000012	0904020028	Đặng Út	Minh	22/07/1990	LT9A	01	11	9,0	01	tr	chẵn
13	000013	0904020023	Đỗ Thị	Mùi	05/01/1992	LT9A	01	12	9,5	02	tr	lẻ
14	000014	0904020010	Đoàn Thị	Ngoan	10/08/1988	LT9A	01	13	9,3	01	tr	chẵn
15	000015	0904020004	Nguyễn Thị	Nguyệt	23/09/1993	LT9A	01	14	9,0	01	tr	lẻ
16	000016	0904020018	Hoàng Thị	Nhung	14/01/1988	LT9A	01	15	9,0	02	tr	chẵn
17	000017	0904020017	Nguyễn Thị Lan	Phương	07/10/1990	LT9A	01	16	9,0	01	tr	lẻ
18	000018	0904020003	Nguyễn Thị	Quỳnh	04/04/1990	LT9A	01	17	9,0	01	tr	chẵn
19	000019	0904020005	Phạm Thị	Quỳnh	06/06/1988	LT9A	01	18	9,0	01	tr	lẻ
20	000020	0904020013	Dương Đình	Sáng	05/02/1992	LT9A	01	19	8,8	01	tr	chẵn
21	000021	0904020015	Phạm Văn	Thạch	02/06/1990	LT9A	01	20	8,8	01	tr	lẻ
22	000022	0900020001	Đỗ Thị	Thắm	18/12/1997	LT9A	01					HP,ĐK
23	000023	0904020021	Đào Thị Phương	Thảo	19/12/1988	LT9A	01	21	9,3	02	tr	lẻ
24	000024	0904020030	Đỗ Hoài	Thơ	27/07/1993	LT9A	01	22	9,0	01	tr	chẵn
25	000025	0904020014	Phạm Thị	Thu	16/06/1990	LT9A	01	23	9,0	01	tr	lẻ
26	000026	0904020024	Nguyễn Thị	Thư	20/05/1984	LT9A	01	24	9,0	02	tr	chẵn
27	000027	0904020012	Lê Xuân	Thức	25/08/1983	LT9A	01	25	9,0	02	tr	lẻ
28	000028	0904020019	Nguyễn Thị	Tinh	19/01/1993	LT9A	01	26	8,8	01	tr	chẵn
29	000029	0904020002	Phùng Thị Ngọc	Trâm	08/10/1990	LT9A	01	27	9,0	01	tr	lẻ
30	000030	0904020011	Âu Hồng	Vân	16/04/1993	LT9A	01	28	9,0	01	tr	chẵn
31	000031	0900020002	Hoàng Thị	Yến	11/12/1986	LT9A	01	29	9,3	02	tr	lẻ
32	000032	0904020033	Phùng Thị Hải	Yến	10/08/1995	LT9A	01	30	8,8	02	tr	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
33	000033	0903020007	Nguyễn Thị	Bé	09/03/1983	LT9A_T CDH	01					HP,ĐK
34	000034	0903020001	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20/09/2003	LT9A_T CDH	01	31	8,8	01	Dung	chẳng
35	000035	0903020002	Đỗ Xuân	Thép	30/11/2001	LT9A_T CDH	01					HP,ĐK
36	000036	0907020002	Phạm Thị	Chung	06/10/1983	LT9A_VLVH	01	32	9,0	02	mg	Chấn
37	000037	0907020003	Nguyễn Trọng	Thiện	05/02/1993	LT9A_VLVH	01					HP,ĐK
38	000038	0906020001	Đào Thị Thu	Dịu	10/08/1993	LT9A_VLVH	01	33	9,0	01	Đ	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:.....33

Tổng số tờ giấy thi:.....43

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 24 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Việt Hùng

Nguyễn Văn Thi



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHLTCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023
Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp
1	000001	0904020016	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/03/1993	LT9A	Nữ	6	6		
2	000002	0904020026	Đỗ Xuân	Đạt	30/11/1991	LT9A	Nam	5	6		
3	000003	0904020031	Phan Thị	Dịu	19/08/1991	LT9A	Nữ	4	6		
4	000004	0904020029	Trịnh Thị	Giang	25/08/1990	LT9A	Nữ	6	4		
5	000005	0904020027	Phan Hồng	Hạnh	27/07/1996	LT9A	Nữ	6	4		
6	000006	0904020025	Lê Thị	Hiền	09/07/1991	LT9A	Nữ	6	5		
7	000007	0904020032	Lê Anh	Hiệp	24/05/1990	LT9A	Nam	6	8		
8	000008	0904020009	Hà Thủy	Hoàng	16/10/1995	LT9A	Nam	6	8		
9	000009	0904020020	Cao Ánh	Hồng	02/09/1993	LT9A	Nữ	4	6		
10	000010	0904020008	Trần Thị Thu	Hương	31/10/1990	LT9A	Nữ				HP,ĐK
11	000011	0904020022	Nguyễn Thị	Huyền	29/10/1991	LT9A	Nữ	8	6		
12	000012	0904020006	Nguyễn Thị Thanh	Lương	20/10/1987	LT9A	Nữ	8	6		
13	000013	0904020028	Đặng Út	Minh	22/07/1990	LT9A	Nữ				LT
14	000014	0904020023	Đỗ Thị	Mùi	05/01/1992	LT9A	Nữ	7	7		
15	000015	0904020010	Đoàn Thị	Ngoan	10/08/1988	LT9A	Nữ	5	5		
16	000016	0904020004	Nguyễn Thị	Nguyệt	23/09/1993	LT9A	Nữ				LT
17	000017	0904020018	Hoàng Thị	Nhung	14/01/1988	LT9A	Nữ	7	5		
18	000018	0904020017	Nguyễn Thị Lan	Phương	07/10/1990	LT9A	Nữ	6	4		
19	000019	0904020003	Nguyễn Thị	Quỳnh	04/04/1990	LT9A	Nữ	7	7		
20	000020	0904020005	Phạm Thị	Quỳnh	06/06/1988	LT9A	Nữ	6	8		
21	000021	0904020013	Dương Đình	Sáng	05/02/1992	LT9A	Nam	6	6		
22	000022	0904020015	Phạm Văn	Thạch	02/06/1990	LT9A	Nam	6	8		
23	000023	0900020001	Đỗ Thị	Thắm	18/12/1997	LT9A	Nữ				HP,ĐK
24	000024	0904020021	Đào Thị Phương	Thảo	19/12/1988	LT9A	Nữ				LT
25	000025	0904020030	Đỗ Hoài	Thơ	27/07/1993	LT9A	Nữ	5	5		
26	000026	0904020014	Phạm Thị	Thu	16/06/1990	LT9A	Nữ	8	8		
27	000027	0904020024	Nguyễn Thị	Thư	20/05/1984	LT9A	Nữ	6	7		
28	000028	0904020012	Lê Xuân	Thức	25/08/1983	LT9A	Nữ	6	6		
29	000029	0904020019	Nguyễn Thị	Tĩnh	19/01/1993	LT9A	Nữ	6	6		
30	000030	0904020002	Phùng Thị Ngọc	Trâm	08/10/1990	LT9A	Nữ	7	4		LT
31	000031	0904020011	Âu Hồng	Vân	16/04/1993	LT9A	Nữ				
32	000032	0900020002	Hoàng Thị	Yến	11/12/1986	LT9A	Nữ	3	8		
33	000033	0904020033	Phùng Thị Hải	Yến	10/08/1995	LT9A	Nữ	5	6		

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp
34	000034	0903020007	Nguyễn Thị	Bé	09/03/1983	LT9A_TCDH	Nữ				HP,ĐK
35	000035	0903020001	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20/09/2003	LT9A_TCDH	Nữ	4	8		
36	000036	0903020002	Đỗ Xuân	Thép	30/11/2001	LT9A_TCDH	Nam				HP,ĐK
37	000037	0907020002	Phạm Thị	Chung	06/10/1983	LT9A_VLVH	Nam				ĐK
38	000038	0907020003	Nguyễn Trọng	Thiện	05/02/1993	LT9A_VLVH	Nam				HP,ĐK
39	000039	0906020001	Đào Thị Thu	Dịu	10/08/1993	LT9A_VLVH-TCDH	Nam				ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày 24 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Vũ Đăng Anh

[Signature]
Đỗ Văn Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHLTCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023
Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ (Lý thuyết)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	GT	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0904020028	Đặng Út	Minh	22/07/2003	LT9A	Nữ	4	6,0	1	<i>[Signature]</i>	Đã nộp
2	000002	0904020021	Đào Thị Phương	Thảo	19/12/1988	LT9A	Nữ	3	6,5	01	<i>[Signature]</i>	Chưa
3	000003	0904020011	Âu Hồng	Vân	16/04/1993	LT9A	Nữ	2	7,5	01	<i>[Signature]</i>	Đã nộp
4	000004	0904020004	Nguyễn Thị	Nguyệt	23/09/1993	LT9A	Nữ	1	7,0	1	<i>[Signature]</i>	Đã nộp

Tổng số sinh viên dự thi: *04*....

Tổng số tờ giấy thi: *04*....

Tổng số biên bản: *0*.....

Ngày *24* tháng *12* Năm *2022*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

[Signature]

[Signature]

Đỗ Thị Kim Thoa

Nguyễn Văn Thi



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI GHEP HET HOC PHAN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ (Lý thuyết)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	GT	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000005	0901030022	Nguyễn thành	Đạt	26/03/2003	QT9A	Nam	—	—	—	—	✓

Tổng số sinh viên dự thi:...0....

Tổng số tờ giấy thi:...0....

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 24 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Kim Thoa

Nguyễn Văn Thi



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường:

Handwritten signature

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023
Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông (Lý thuyết)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	GT	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp
1	000001	0901030224	Nguyễn Thành	Đạt	26/03/2003	QT9A	Nam	1	55	1	Đạt
2	000002	0901030851	Bùi Thị	Trang	13-12-2002	KD9K	Nữ	2	60	1	Trang

Tổng số sinh viên dự thi:.....02.

Tổng số tờ giấy thi:.....02

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 05 tháng 1 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Handwritten signature
Hoàng Thị Duyên

Handwritten signature
Nguyễn Thị Ngát



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: SVD

**DANH SÁCH PHÒNG THI HẾT HỌC PHẦN SINH VIÊN ĐHCQ HỌC TỰ NGUYỄN ĐỢT 1
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023**

(Đối với sinh viên nộp học phí muộn. KH 922 ngày 29.12.2022)

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0810120528	Nguyễn Thái	Minh	09/05/2000	NH8A					vắng

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Ngày ... tháng ... Năm 2023

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

(Chữ ký)
(Chữ ký)
Đặng Hoài Nam Đỗ Mạnh Tuấn



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: SVD

**DANH SÁCH PHÒNG THI HẾT HỌC PHẦN SINH VIÊN ĐHCQ HỌC TỰ NGUYỄN ĐỢT 1
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023**

(Đối với sinh viên nộp học phí muộn. KH 922 ngày 29.12.2022)

Học phần: Giáo dục thể chất 1 - Điền kinh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901020256	Bùi Trọng Bảo	Ngọc	26/10/2003	KD9N					Vắng
2	000002	0901020979	Chu Phương	Thảo	20/06/2003	KD9N					Vắng

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Ngày/... tháng/... Năm 2023

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Đặng Hoài Nam

Đỗ Mạnh Tuấn



1-30

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHLTCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0904020016	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/03/1993	LT9A	30	8,5	02	Đã nộp	Đã nộp
2	000002	0904020026	Đỗ Xuân	Đạt	30/11/1991	LT9A	29	7,0	02	Đã nộp	Đã nộp
3	000003	0904020031	Phan Thị	Dịu	19/08/1991	LT9A	28	8,5	01	Đã nộp	Đã nộp
4	000004	0904020029	Trịnh Thị	Giang	25/08/1990	LT9A	27	7,3	02	Đã nộp	Đã nộp
5	000005	0904020027	Phan Hồng	Hạnh	27/07/1996	LT9A	26	8,0	01	Đã nộp	Đã nộp
6	000006	0904020032	Lê Anh	Hiệp	24/05/1990	LT9A	25	7,3	01	Đã nộp	Đã nộp
7	000007	0904020009	Hà Thủy	Hoàng	16/10/1995	LT9A	24	7,0	01	Đã nộp	Đã nộp
8	000008	0904020020	Cao Ánh	Hồng	02/09/1993	LT9A	23	8,0	01	Đã nộp	Đã nộp
9	000009	0904020008	Trần Thị Thu	Hương	31/10/1990	LT9A					HP,ĐK
10	000010	0904020022	Nguyễn Thị	Huyền	29/10/1991	LT9A	22	8,5	01	Đã nộp	Đã nộp
11	000011	0904020006	Nguyễn Thị Thanh	Lương	20/10/1987	LT9A	21	8,3	01	Đã nộp	Đã nộp
12	000012	0904020028	Đặng Út	Minh	22/07/1990	LT9A	20	7,3	02	Đã nộp	Đã nộp
13	000013	0904020023	Đỗ Thị	Mùi	05/01/1992	LT9A	19	8,5	01	Đã nộp	Đã nộp
14	000014	0904020004	Nguyễn Thị	Nguyệt	23/09/1993	LT9A	18	7,5	01	Đã nộp	Đã nộp
15	000015	0904020018	Hoàng Thị	Nhung	14/01/1988	LT9A	17	8,5	02	Đã nộp	Đã nộp
16	000016	0904020017	Nguyễn Thị Lan	Phương	07/10/1990	LT9A	16	9,0	01	Đã nộp	Đã nộp
17	000017	0904020003	Nguyễn Thị	Quỳnh	04/04/1990	LT9A	15	8,5	01	Đã nộp	Đã nộp
18	000018	0904020005	Phạm Thị	Quỳnh	06/06/1988	LT9A	14	7,0	01	Đã nộp	Đã nộp
19	000019	0904020013	Dương Đình	Sáng	05/02/1992	LT9A	13	8,5	02	Đã nộp	Đã nộp
20	000020	0904020015	Phạm Văn	Thạch	02/06/1990	LT9A	12	7,3	01	Đã nộp	Đã nộp
21	000021	0900020001	Đỗ Thị	Thắm	18/12/1997	LT9A					HP,ĐK
22	000022	0904020021	Đào Thị Phương	Thảo	19/12/1988	LT9A	11	7,0	01	Đã nộp	Đã nộp
23	000023	0904020030	Đỗ Hoài	Thơ	27/07/1993	LT9A	10	9,0	02	Đã nộp	Đã nộp
24	000024	0904020014	Phạm Thị	Thu	16/06/1990	LT9A	9	9,0	01	Đã nộp	Đã nộp
25	000025	0904020024	Nguyễn Thị	Thư	20/05/1984	LT9A	8	8,5	01	Đã nộp	Đã nộp
26	000026	0904020019	Nguyễn Thị	Tinh	19/01/1993	LT9A	7	7,8	01	Đã nộp	Đã nộp
27	000027	0904020002	Phùng Thị Ngọc	Trâm	08/10/1990	LT9A	6	9,0	01	Đã nộp	Đã nộp
28	000028	0904020011	Âu Hồng	Vân	16/04/1993	LT9A	5	7,5	02	Đã nộp	Đã nộp
29	000029	0900020002	Hoàng Thị	Yến	11/12/1986	LT9A	4	8,5	02	Đã nộp	Đã nộp
30	000030	0904020033	Phùng Thị Hải	Yến	10/08/1995	LT9A	3	8,8	02	Đã nộp	Đã nộp

ĐL
nl

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	0903020007	Nguyễn Thị	Bé	09/03/1983	LT9A_TCDH					HP,ĐK
32	000032	0903020001	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20/09/2003	LT9A_TCDH	2	8,5	02	Dung	chẵn
33	000033	0903020002	Đỗ Xuân	Thép	30/11/2001	LT9A_TCDH					HP,ĐK
34	000034	0907020002	Phạm Thị	Chung	06/10/1983	LT9A_VLVH					ĐK
35	000035	0907020003	Nguyễn Trọng	Thiện	05/02/1993	LT9A_VLVH					HP,ĐK
36	000036	0906020001	Đào Thị Thu	Dịu	10/08/1993	LT9A_VLVH-TCDH	1	8,3	01	H	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi: 40...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 25 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


 Nguyễn Văn Thi


 Đỗ Thị Kim Thoa

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: KINH TẾ QUỐC TẾ-LT9A-KỲ 1, NĂM HỌC 2022-2023

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	904020016	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/03/1993	LT9A	000001	235	5.60	
2	904020026	Đỗ Xuân	Đạt	30/11/1991	LT9A	000002	371	5.80	
3	904020029	Trịnh Thị	Giang	25/08/1990	LT9A	000003	184	6.60	
4	904020027	Phan Hồng	Hạnh	27/07/1996	LT9A	000004	235	6.00	
5	904020020	Cao Ánh	Hồng	02/09/1993	LT9A	000005			
6	904020023	Đỗ Thị	Mùi	05/01/1992	LT9A	000006	746	5.60	
7	904020004	Nguyễn Thị	Nguyệt	23/09/1993	LT9A	000007	184	5.80	
8	904020018	Hoàng Thị	Nhung	14/01/1988	LT9A	000008	235	5.40	
9	904020003	Nguyễn Thị	Quỳnh	04/04/1990	LT9A	000009	659	6.00	
10	904020005	Phạm Thị	Quỳnh	06/06/1988	LT9A	000010	371	5.40	
11	904020013	Dương Đình	Sáng	05/02/1992	LT9A	000011	746	5.00	
12	904020015	Phạm Văn	Thạch	02/06/1990	LT9A	000012	418	5.60	
13	900020001	Đỗ Thị	Thắm	18/12/1997	LT9A	000013			
14	904020021	Đào Thị Phương	Thảo	19/12/1988	LT9A	000014	567	5.00	
15	904020024	Nguyễn Thị	Thư	20/05/1984	LT9A	000015	659	6.40	
16	904020019	Nguyễn Thị	Tinh	19/01/1993	LT9A	000016	418	5.40	
17	903020007	Nguyễn Thị	Bé	09/03/1983	LT9A_TC ĐH	000017			
18	903020001	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20/09/2003	LT9A_TC ĐH	000018	567	5.80	
19	903020002	Đỗ Xuân	Thép	30/11/2001	LT9A_TC ĐH	000019			
20	907020002	Phạm Thị	Chung	06/10/1983	LT9A_VL VH	000020			
21	907020003	Nguyễn Trọng	Thiện	05/02/1993	LT9A_VL VH	000021			
22	906020001	Đào Thị Thu	Dịu	10/08/1993	LT9A_VL VH-TCĐH	000022	371	6.20	

Tổng số bài thi: 16

Cán bộ chấm 1

Vũ Ngọc Loan

Hưng Yên, Ngày 13 tháng 01 năm 2023

Cán bộ chấm 2

Đỗ Việt Hùng